

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Bính (II)

Tiểu sử

Còn tên thật: Nguyễn Bính Thuyết?
Mất ngày 20.1.1966 Lý Nhân, Hà Nam.

Tác phẩm

Lỡ bước sang ngang - Hương cố nhân - Mây tần – Trăm hoa - Nước giếng thời.



Mục Lục

Nguyễn Bính một thiên tài lỡ dở – Tạ Ty - 2
Cõi thơ xuân Nguyễn Bính – Nguyễn Mạnh Trinh – 9
Chị Trúc trong thơ Nguyễn Bính – Phan Lạc Phúc – 15
"Không đề" của Nguyễn Bính – Nguyễn Hưng Quốc – 17

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

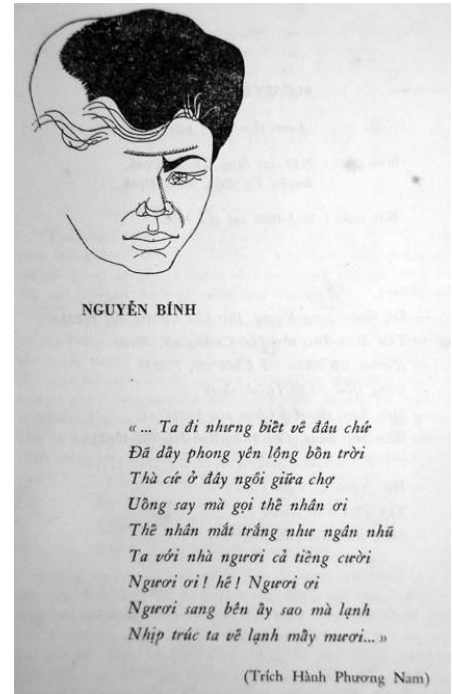
Nguyễn Bính một thiên tài lỡ dở Tạ Ty

1. Nguyễn Bính

"Ta đi nhưng biết về đâu chứ
Đã dấy phong yên lộng bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ơi
Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà người cả tiếng cười
Người ơi! Hề! Người ơi
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi..."
(Trích "Hành phương Nam")

Nguyễn Bính: Làm thơ, viết văn. Sinh năm 1919 tại làng Thiên Vinh, huyện Vụ Bản, Nam Định. Mất ngày: 20.1.1966 tại Hà Nội.

Tác phẩm: *Lỡ bước sang ngang*, thơ (Lê Cường xuất bản, 1940), *Tâm hồn tôi*, thơ (Lê Cường xuất bản, 1940), *Hương cố nhân* (Á Châu xuất bản, 1941), *Bóng giai nhân* (Kịch thơ), *Mây Tần*, thơ (Á Châu xuất bản, 1942), *Đêm sao sáng*, thơ (Văn học Hà Nội, 1963), *Một ngàn cửa sổ* (thơ), *Tập thơ yêu nước*, *Sóng biển cổ* (thơ)



Thú thật, trong những năm tháng dài của Hà Nội ngày xưa, trong dòng sông hạn hẹp của văn nghệ tiền chiến, anh em dễ quen, dễ gặp vì chẳng có bao người, thế mà riêng tôi, đối với Nguyễn Bính gần như vẫn còn xa lạ.

Tôi chỉ gặp Bính có hai lần. Lần đầu trên chuyến xe điện từ Hà Đông ra Hà Nội. Một người bạn cùng đi đã chỉ cho tôi chàng thanh niên có nước da ngăm ngăm, có mái tóc rậm bù, mặc bộ quần áo dạ cũ màu xanh sẫm, đang ngồi rúm ró ở cuối ghế: Nguyễn Bính đó. Hồi ấy, tôi đã đọc thơ văn của Bính đăng trong *Hà Nội báo* với thiên hồi ký than khóc tình yêu có 4 câu thơ coi như lời dẫn trước cho câu chuyện chứa đựng nỗi ai oán và bi thảm đã vô xé nội tâm Bính:

"*Tâm hồn tôi là bình rượu nhỏ
Rót lần lần rót mãi xuống nàng Oanh
Không xua tay, nhưng nàng vẫn vô tình
Hắt ly rượu hồn tôi qua cửa sổ.*"

Nàng Oanh, nàng Oanh là một nữ sinh mà Bính say mê đến nỗi đêm đêm dù trời đã trọng đông với mưa phùn gió bắc, với giá lạnh cắt buốt thịt da, Bính vẫn kiên nhẫn đứng bên lề đường, dưới gốc cây hay dưới mái hiên nào đó nhìn lên căn gác đóng kín, chỉ còn những tia đèn mong manh lọt qua khe cửa, để vọng tưởng người yêu. Tôi nhìn Bính như nhìn một tượng hình đau khổ với câu chuyện tình lớn vờn trong trí não. Hồi đó, tôi còn là một thanh niên được

gia đình chở che và đùm bọc, tuy làm văn nghệ nhưng có lẽ nhờ cái nghề hội họa mà trời thương hay ghét cũng chẳng biết, rất ít người vướng mắc vào hệ lụy ma túy, hay bắt gặp những oan trái do tình yêu gửi tặng. Bữa đó, Bính đeo kính đen tuy trời bên ngoài đã cuối thu không có nắng, màu mây quánh đặc sắc bùn. Lần gặp thứ nhất này làm tôi thất vọng, vì lẽ rất dễ hiểu là Bính không giống như người mà tôi đã tưởng tượng: mái tóc bồng bênh như Xuân Diệu, vóc dáng phong nhã như Hoàng Cầm hay có vẻ đấng tử như Đinh Hùng. Nguyễn Bính đang hiện diện trước mắt tôi kia chỉ là một chàng trai tầm thường, trông lại què què không có biểu tượng nào để tôi nhận ra sự phong phú đầy chất lãng mạn trong văn thơ. Rồi hình ảnh đó phai dần. Tôi và Bính vẫn chưa biết nhau tuy bạn của Bính một phần là bạn của tôi.

Cho đến một buổi, tôi nhớ rõ buổi trưa, Quỳnh Dao rủ tôi đi thăm Nguyễn Bính để nói chuyện cho biết. (Quỳnh Dao, *thi sĩ miền Trung, có thi phẩm Tơ trắng xuất bản thời tiền chiến, đã bị thủ tiêu vào dịp Cách mạng 45 vì bị nghi là gián điệp cho Nhật. Nhân dịp này với tư cách là người bạn thân của Quỳnh Dao, tôi xác nhận Quỳnh Dao không hề làm chính trị hay có thái độ chính trị, sở dĩ anh phải hợp tác với cơ quan quân sự Nhật là vì miếng cơm manh áo, vì trách nhiệm làm chồng làm cha và để có tiền vui chơi với anh em, thế thôi! Quỳnh Dao biết tiếng Nhật và Anh, đánh máy rất mau, chữ viết rất đẹp.*) Chúng tôi từ phố Huế đạp xe điện lên Quan Thánh, rồi đi bộ hết đường Cổ Ngư lên đầu Ô Yên Phụ, trời Hà Nội bữa đó cao và trong. Chúng tôi đi dưới rặng phượng vĩ với tàn lá xanh um trái rộng làm rợp mặt đường. Nước hồ Tây bằng bạc lơ xô mấy chiếc thúng câu bập bênh trong không gian im vắng. Một bên, hồ Trúc Bạch, màu nước ngăn ngắt với lớp váng rêu úa vàng dạt vào thành xi-măng xây quanh mép hồ. Quỳnh Dao bỗng khoát tay chỉ về phía xóm lá, bên kia hồ Trúc Bạch – *Bính ở trong xóm ấy, nhưng vào đó không chắc gì gặp, nó thường ở nhà M... trên đê.* Nghe Dao nói, tôi chợt nhớ đến mấy câu thơ của Bính gửi chị Trúc:

*“Nhà em ở cuối kinh thành
Giữa hồ Trúc Bạch nước xanh màu chàm
Dịp nào chị có qua thăm
Cho em lần nữa chiếc khăn lụa hồng
Cầm cho hai tháng là cùng
Khóc như em, mấy khăn hồng chẳng phai!”*

Tâm sự của Bính là tâm sự đầy nước mắt, do đó, lời và hơi thơ của Bính làm người đọc dễ cảm, dễ thuộc.

Tôi đã gặp Bính ở nhà M... thật. Đây là lần thứ hai và cũng là lần chót. Tới nay Bính đã đi sâu vào lòng đất, gia tài để lại cho cuộc đời tuy không vĩ đại nhưng cũng đủ chứng minh giá trị của một thi nhân trong lịch sử Văn học Nghệ thuật Việt Nam. Vì là buổi gặp mặt lần đầu, hơn nữa, trong căn phòng chật chội còn có nhiều người khác nên tôi và Bính chỉ trao đổi vài câu xã giao thông thường. Cuộc “*diện kiến*” này chẳng mang lại cho tôi một thích thú gì cả.

Với tôi, Bính vẫn chỉ được coi như biết mà chưa quen. Sau đó ít lâu tôi nghe tin Bính đã bỏ quê hương vào Nam tôi mới hối tại sao không cố gặp nhau để trở nên thân như các bạn khác dù cho sự tìm kiếm gặp bạn lúc ấy không phải điều khó.

Ngày đó, tôi đương theo học mỹ thuật, chỉ yêu văn học mà chưa làm văn học. Sự giao du của tôi với anh em làm văn học lúc ấy cũng chỉ do chút cảm tình văn nghệ mà thôi. Nhưng chẳng phải vì không thân mà tôi không thích đọc Bính. Tôi vẫn đọc và nghe rất nhiều chuyện về Bính, từ thuốc phiện, rượu, đến nỗi đau tình ái, do anh em nói lại.

Hôm nay viết về Nguyễn Bính, là viết về một nhà thơ đã vĩnh viễn vắng mặt, một nhà thơ (theo

ý riêng tôi) đã gặp nhiều hệ lụy nhất, đã mang tâm sự bị thương đi lang thang suốt một cuộc đời đầy sóng gió do tình ái và tiền tài gieo hoạ.

Bính làm thơ vì Định Mệnh phán quyết. Thơ Bính đẹp như dòng suối và bi thương như bệnh hoạn. Cá tính trong thơ Bính rất tự nhiên, mộc mạc không gò bó, kiểu cách như các thi nhân cùng thời. Thơ Bính đi gần với ca dao, rất gần với đại đa số quần chúng. Các cô gái đọc rất khê trong phòng the để tiếc nuối thương vay một thân phận hay giận hờn vì người Bính khóc trong thơ sao lại không phải mình. Các bà mẹ ru con bằng thơ Bính. Thơ của Bính được phổ biến thật sâu rộng, nó gắn liền với cuộc sống nội tâm ở mỗi con người đa đoan tâm sự. Bài "Lỡ bước sang ngang" vào đời đã đưa Bính lên cao giữa vòm trời thi ca đầy tinh tú sáng chói với Xuân Diệu, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Hoàng Cầm, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên v.v... Nhưng chính thực, bài thơ này không phải là bài thơ hay của Bính. Nó nổi tiếng chỉ vì nội dung bi đát nói lên thân phận người con gái "lỡ bước" rồi "sang ngang" để rồi lại "lỡ bước". Cái tâm sự ấy, cái cảnh huống ấy nó giản dị quá, nó đi gần với cuộc đời có mặt trong thời gian ấy:

*"Chị từ lỡ bước sang ngang
Trời giông bão giữa tràng giang lật thuyền
Xuôi dòng nước chảy liên miên
Đưa thân thể chị tới miền đau thương
Mười năm gối hận bên giường
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh
Mười năm đưa đón một mình
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên
Mười năm lòng lạnh như tiền
Tim đi hết máu, cái duyên không về!...*

.....
*Tuổi son má đỏ môi hồng
Bước chân về đến nhà chồng là thôi
Đêm qua mưa gió đầy trời
Trong hồn chị có một người đi qua..."*
("Lỡ bước sang ngang")

Chất thơ của Bính nó hiện diện như thế cách đây 30 năm, khoảng thời gian không xa xôi gì, mà sao nó làm cho người đọc hôm nay cảm thấy đặng đặng xa vút mù khơi.

Bính là con người làm văn nghệ duy nhất ở thời đó không chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Tây phương cũng như Đông phương. Bính làm thơ một mình và thừa hưởng cái kho tàng văn hóa Dân tộc qua các vần ca dao, qua nếp sống mộc mạc quê mùa. Do đó, thơ Bính mang tính chất hồn nhiên, với một sắc thái cực kỳ lãng mạn trong lãnh vực tình yêu.

Bính sinh ra trong một hoàn cảnh khốn khó, trong một xã hội phân hóa bởi giai cấp thống trị với những ước lệ quá ư bất công. Từng ấy dữ kiện đã bắt buộc Bính phải tự tìm cho mình lối thoát. Bính đi vào tình yêu với mộng ước đắm đuối vô vàn để được trả bằng thất vọng. Nàng Oanh nhắc đến ở đoạn trên chưa chắc đã phải là mối tình đầu của Bính, nhưng ở đây, nàng biết Bính yêu mình và mình không yêu Bính nhưng nàng cứ lạnh lùng theo ngày tháng, chẳng chấp nhận và ác nhất, chẳng khước từ. Nàng vẫn đứng giờ mở hé cửa, thò một bàn tay nòn nà cho thi nhân nhìn lên với mơ ước bàng hoàng, đắm đuối:

*"Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một người*

*Gió mưa là bệnh của Trời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng...*

.....
*Tương tư thức mấy đêm rồi
Biết cho ai biết, ai người biết cho
Bao giờ bến mới gặp đò?
Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?”
("Tương tư")*

Cái vòng tình ái lẫn quẩn mờ rồi đóng, đóng rồi mờ làm cho Bính bàng hoàng như tỉnh, như mơ. Vốn là nòi tình nên thi nhân đắm mê vào hệ lụy như con thiêu thân lao mình vào ánh đèn tìm cái chết trong lửa đỏ. Ngọn lửa do tình yêu thấp sáng trên vóc dáng nàng Oanh đã làm cho Bính điên cuồng. Bính rên xiết, ngất ngư đòi được thiêu huỷ đời mình trong đó. Nhưng nàng Oanh không cho Bính đến gần, nàng chỉ cho Bính thấy có ánh sáng mà không mở lối cho Bính tìm về ánh sáng. Có thể nói, nỗi đau tuổi trẻ này Bính mang xuống tuyền đài chưa chắc đã tan. Niềm thương hận đó, Bính đã trải rộng trên những vần thơ và huỷ hoại tuổi trẻ trong các nguồn đam mê hằng ngày, hằng đêm. Nhưng cứ sau mỗi đam mê, hình ảnh kia vẫn bám riết và đeo đuổi như đeo đuổi một duyên số:

*"Nhà ấy hình như có mặt trời
Có rừng, có suối, có hoa tươi
Bao nhiêu chim lạ, bao nhiêu bướm?
- Không có gì đâu! Có một người.*

*Chân bước khoan khoan, lòng hồi lòng
- Có nên qua đây nữa hay không?
Không nên qua đây, nên qua đây?
Không, nhớ làm sao? Qua, mất công.*

*Chàng đau đớn lắm, môi cắn môi
Răng cắn vào răng, lời nghẹn lời
- Hờ hững làm sao, mê mẩn quá
Trời ơi! Cứu vớt lấy hồn tôi..."
("Hà Nội ba mươi sáu phố phường")*

Bính đau quá, giận quá, nhớ thương quá, si mê quá. Tấm lưới tình yêu cứ xiết dần thân phận Bính với nhức mỗi rã rời, Bính kêu la giãy giụa:

*"Đã quyết không... không được một ngày
Rời yêu, yêu cả buổi chiều nay
Chiều nay bướm trắng ra nhiều quá
Không biết là mưa hay nắng đây*

.....
*Oán đã bao la, hận đã nhiều
Có sao tôi vẫn chẳng thôi yêu
Tôi đi mãi mãi con đường ấy
Qua lại hôm nay, sáng lại chiều."
("Vấn vơ")*

Cứ như thế, cứ quẩn quanh với thương nhớ, cứ bịn rịn vì mái tóc, làn môi mà Bính buông trôi ngày tháng. Nhưng thơ Bính không phải chỉ có nàng Oanh với "Oán đã bao la, hận đã nhiều",

mà nguồn cảm hứng đó còn toả rộng ở các khía cạnh đặc thù của cuộc sống. Thơ Bính buồn, thật buồn. Mỗi lời như một dòng lệ, ngay cả khi Bính không nói về mình:

*“Những cuộc chia li khởi tự đây
Cây đàn sum họp đứt từng dây
Những lời bèo bọt thân đơn chiếc
Lần lượt theo nhau suốt tháng ngày*

.....
*Những chiếc khăn màu thỏn thức bay
Những bàn tay vẫy những bàn tay
Những đôi mắt ướt nhìn đôi mắt
Buồn ở đâu hơn ở chốn này?*

*Tôi đã từng chờ những chuyến xe
Đã từng đưa đón kẻ đi về
Sao nhà ga ấy, sân ga ấy
Chỉ để cho lòng dẫu biệt ly?”*
(“Những bóng người trên sân ga”)

Nỗi buồn rất nỗi buồn, chia ly rồi chia ly đều bắt nguồn ở sân ga bé nhỏ. Từ hai cô gái nhỏ áp má vào nhau sùi sụt đến người yêu tiễn người yêu ở một sân ga vắng trong chiều tắt nắng. Có những chàng trai tiễn đưa nhau dùng dằng “ba bốn bận” đến nỗi bóng họ nhòe theo bóng tối. Có người vợ mở khăn trầu tiễn chồng đi biên ải. Có người mẹ già lưng còng đỡ bóng tiễn con đi, và có người làm cuộc du hành cô độc để *“một mình làm cả cuộc phân ly”*. Tất cả những chất liệu đó đã làm Bính rung động và đầu đây tiếng còi tàu thét vang trong trí não thi nhân để trút xuống mặt giấy từng nỗi nghẹn ngào nhân thế.

Biệt ly, biệt ly nào mà chẳng làm lòng người se lại. Buổi tiễn đưa giữa hai kẻ sống tuy buồn nhưng còn ít bi đát hơn cảnh người sống tiễn đưa kẻ chết, nhất là kẻ chết lại là người trinh nữ. Cái chết của nàng làm cho Bính tưởng tượng cả *“châu thành Hà Nội chít khăn xô”* và như có ai mời thi nhân *“uống chén biệt ly”*:

*“Sáng nay vô số lá vàng rơi
Người gái trinh kia đã chết rồi
Có một chiếc xe màu trắng đục
Hai con ngựa trắng bước hàng đôi*

*Đêm đi một chiếc quan tài trắng
Và những bông hoa trắng lạnh người
Theo bước, những người khăn áo trắng
Khóc hồn trinh trắng mãi không thôi...”*
(“Lòng người trinh nữ”)

Người trinh nữ ấy bỏ cuộc đời, bỏ cả chiếc áo màu xanh nàng vừa may vào mùa thu, nhưng nàng đi chẳng phải vì có chiếc áo “đi” theo mà còn để lại tiếc thương trong lòng em thơ, mẹ già và mối tình của chàng trai gửi tặng.

Tình cảm của Bính thật chan chứa. Nó khởi hành từ đam mê của mình, thuộc-riêng-mình rồi nó tự vượt thoát để bầu vịu vào cả những thứ không-thuộc-về-mình và coi đó như có thực. Huyền thoại T.T.Kh. với 4 bài thơ nổi tiếng trên thi đàn Việt Nam từ lâu, không ai có quyền phá vỡ. Người duy nhất có thể làm được công việc trên là thi sĩ Thâm Tâm, nhưng Thâm Tâm đã

đi vào đất lạnh từ lâu. Bởi vậy, bây giờ và mãi mãi nó vẫn là một nghi hoặc, là dấu hỏi, dấu than, nó vẫn còn nguyên là huyền thoại theo đúng nghĩa chữ.

Câu chuyện tình đẹp do Thanh Châu sáng tác với tựa đề “Hoa Ti-gôn” đăng trong báo *Tiểu thuyết thứ bảy* đã làm xúc động người đọc và sau đó ít lâu T.T.Kh. ra đời. Thâm Tâm có làm 2 bài gửi T.T.Kh. và Nguyễn Bính cũng làm bài “Dòng dư lệ” tặng T.T.Kh. với những vần thơ đắm đuối:

*“Dừng chân trước cửa nhà nàng
Thấy hoa vàng với bướm vàng hôn nhau
Tìm nàng chẳng thấy nàng đâu
Lá rơi lá tả bên lầu như mưa...”*

Tìm nàng để làm gì? Để nghe người lão bộc kể lại một thiên tình hận, để băng khuâng coi đó như chuyện của mình:

*“Bao nhiêu oan khổ vì tình
Có sao giống hết chuyện mình ngày xưa?”*

Nguyễn Bính sáng tác rất nhiều, mỗi bài thơ như một khúc bi ca, như nỗi đau đứt ruột vì khung trời tình ái mà Thượng Đế dành riêng cho Nguyễn Bính luôn luôn bị che phủ mây mù:

*“Lạ quá làm sao tôi cứ buồn
Làm sao tôi cứ khổ luôn luôn
Làm sao tôi cứ tương tư mãi
Người đã cùng tôi nhạt ước nguyên...”*
 (“Vâng”)

Và,

*“Tôi rót hồn tôi xuống mắt nàng
Hồn tôi là cả một lời van
Tôi van nàng đấy, van nàng đấy
Ai có yêu đương chớ vội vàng”*
 (“Người con gái ở lầu hoa”)

Có lẽ chịu không nổi hình phạt của cuộc sống ở cả hai phía, tình yêu và hoàn cảnh, nên Bính dứt áo ra đi về phương Nam có nắng vàng chói lói, có cuộc sống cởi mở, để mong tìm cho mình sự giải thoát nào đó bằng cảm xúc mới, bằng tri giác mới. Hà Nội với đắng cay còn đó, Hà Đông với khuôn mặt nàng Oanh kiều bạc hờ hững, với kỷ niệm tháng năm buồn đứt ruột, với dăm bảy đứa bạn bè ngờ ngác nhìn nhau nhàm chán. Hà Nội đối với Bính như “một nhớ nhàng” nên biết quyết dứt tình. Ở trong Nam, Bính cũng trôi nổi bèo bọt như cánh bèo đưa đẩy. Nay đây mai đó, Bính từ Sài-gòn xuôi Hậu Giang và gót giang hồ đã dừng lại ít lâu tại cuối trời nước Việt, đó là Hà Tiên quê hương của thi sĩ Đông Hồ và Mộng Tuyết. Trong thời gian lưu trú tại miền Nam, Bính đã sáng tác nhiều với tứ thơ mới pha thêm nỗi đắng cay, tủi hận do cuộc sống thờ ơ và miếng cơm manh áo, mỗi ngày làm cho thi nhân cảm phần:

*“Trọc phú ti toe bàn thế sự
Đĩ già tấp tễnh nói văn chương
Đã coi đồng bạc to hơn núi
Còn học đòi theo thói Mạnh Thường...”*

Bính sống giữa thế kỷ XX, thế kỷ của phát minh cơ khí đang muốn đẩy lui những giá trị tinh thần vào bóng tối dĩ vãng, như Bính đâu cần biết, Bính vẫn muốn dùng cái sĩ khí, tiết tháo của nhân vật Đông Chu làm biểu tượng cho mình:

*“Rẫy ruộng châu ngọc thù son phấn
Mắt đỏ lên rồi cứ chết ngay
Hỡi ơi! Nhiếp Chính mà bằm một
Giữa chợ ai người khóc nhận thay*

*Kinh Kha giữa chợ sầu nghiêng chén
Ai kẻ dưng vàng, kẻ biếu tay
Mơ gì Ấp Tiết thiếu văn tự
Giày cỏ gươm cùn ta đi đây...”*

Nhưng ta đi, ta đi đâu? Bính giận đối với cuộc đời vì đi khắp thiên hạ mà chưa tìm thấy tri kỷ, có chăng chỉ là mình với bóng.

*“Ta đi nhưng biết về đâu nhĩ
Đã dấy phong yên lộng bốn trời
Thà cứ ở đây ngồi giữa chợ
Uống say mà gọi thế nhân ơi*

*Thế nhân mắt trắng như ngân nhũ
Ta với nhà người cả tiếng cười
Người ơi! Hề, người ơi
Người sang bên ấy sao mà lạnh
Nhịp trúc ta về lạnh mấy mươi...”*
 (“Hành phương Nam”)

Như thế đó, tiếng thơ Nguyễn Bính dù ở cảnh huống nào vẫn đầy rẫy bi thương, uất nghẹn. Sau từng năm tháng dài ở miền Nam, mỗi độ xuân về, Bính lại tiếc thương mùa Xuân đất Bắc với hoa đào, gió lạnh, với đất trời đượm ngát hương xuân. Sau bao nhiêu lần hẹn mà Bính không về sao về nổi đất cũ, Bính thét lên trong bài thơ gửi chị – *“Tết này lại nữa, Tết tha hương”* rồi Bính kể cho chị Trúc nghe mùa Xuân miền Nam với:

*“Dưa hấu chất cao hơn nóc chợ
Và hoa sen nở đẹp huy hoàng”*

Cả hai thứ đó đều có vào mùa Hạ ở ngoài Bắc chứ không ở mùa Xuân...

Rồi thời gian qua đi với tuổi đời niên thiếu, tưởng rằng không còn cơ hội nào dành cho Bính một niềm hy vọng. Đột nhiên cả dân tộc chuyển mình đi vào Cách mạng 1945. Mấy tháng sau, miền Nam anh dũng đã biến thành tiền tuyến trong cuộc chiến đấu chống quân Pháp xâm lăng lần thứ hai. Bính có mặt trong tuyến đầu khói lửa. Rồi ngày 19-12-1946, toàn quốc kháng chiến. Sắt máu đã đẩy lui mọi người ra khỏi từng thành phố. Những năm đầu kháng chiến tôi có nghe tin Bính nhưng chẳng bao giờ có cơ hội vượt Trường Sơn để gặp mặt anh em. Trong thời gian này Bính cũng như mọi người làm văn nghệ khác, đều phục vụ kháng chiến bằng khả năng chuyên biệt. Cuộc sống máu lửa kéo dài cho tới ngày ký Hiệp định Genève chia đôi Nam, Bắc. Bính tập kết ra Hà Nội rồi mất tại đó năm 1966.

Bính là một thiên tài, nhưng là một thiên tài lỡ dở, vì tổng kết từ cuộc sống bản thân tới nghệ thuật, ở bên trong mỗi dữ kiện người ta cảm thấy như Định Mệnh đã an bài cho Bính sự trùng

phạt hơn ân thường. Sinh ra trong một hoàn cảnh khốn khó không đủ phương tiện ăn học, lớn lên Tình Yêu làm thui chột ước mơ, ở lãnh vực Thi Ca Bính cũng không làm sao thoát ra khỏi khuôn thước tầm thường của nhân thế. Nhưng đó không phải là cái dở mà chính là sự may mắn cuối cùng mà Thượng Đế dành cho Bính, tuy rằng sự may mắn đó Bính phải trả bằng nước mắt với muôn vạn nhục nhằn. Sự lỡ dở do Tình Yêu, do cuộc đời, do bạn hữu, do bản thân tạo nên, tất cả như a vào nhau để làm cho tiếng thơ buồn của Bính vút lên rồi toả ra những làn ánh sáng kỳ diệu giữa trời thơ nước Việt hôm qua, hôm nay và mãi mãi.

Bính đã đi rồi. Tác phẩm Thi Ca của Bính còn lại. Chúng ta hãy cầu nguyện cho Bính với hình ảnh con chim Đường Nga (Le Pélican) của thi sĩ Alfred de Musset (1810-1857) đã moi ruột gan cho lũ con ăn tiệc, để rồi chết lặng lẽ bên mỏm đá vô tình.

Cõi thơ xuân Nguyễn Bính Nguyễn Mạnh Trinh

1. Cõi Thơ Xuân Nguyễn Bính

Tôi nghiệm thấy một điều, ở những thi sĩ còn tồn tại với văn học sử và không bị thời gian đào thải và quên lãng, tôi thấy có một lãnh thổ riêng như một quốc gia thi ca đã được định hình. Thí dụ, như ở Đình Hùng, một lãnh địa của tình yêu, của những đất đai mà sương khói làm lẫn lộn giữa mộng và thực. Hay, như ở thơ Cao Tần, của những nỗi niềm ở người lưu vong xa xứ cứ mệnh mang và quẩn quại trong nếp sống thúc ép xứ người. ...

Hoặc như thơ Tô Thùy Yên, của thân phận con người trong chiến tranh, xót xa trước bi thảm thời thế. Với Nguyễn Bính, dù ông làm thơ rất nhiều và rất dễ dàng, nhưng cái đáng nhớ của thi ca ông, cái lãnh địa mà ông đã chiếm cứ vẫn là những bài thơ gọi đến cuộc sống quê mùa nơi thôn dã. Cuộc sống ấy, lâu lắm rồi, như trong chuyện cổ tích. Thế mà, trong thơ Nguyễn Bính, cái mà nhà phê bình văn học Hoài Thanh trong Thi Nhân Việt Nam đã gọi là “chân quê” ấy đã làm cho người đọc thơ sau hơn nửa thế kỷ nhớ lại và bồi hồi về một thời đã qua.



Thơ Nguyễn Bính viết về nhiều đề tài. Trong Tuyển tập Nguyễn Bính nhà xuất bản Văn học in năm 1986 (khi mới bắt đầu “cởi trói” văn học) dày 200 trang, chọn trong 11 tập thơ, mỗi tập chừng vài bài. Khi trước, sau khi Nguyễn Bính làm báo “Trăm hoa” không đi theo ý định của Đảng nên ít được nhắc nhở tới và khi làm việc với Chu Văn trong công việc của một nhân viên hạng bét thì bị đi “tới bến” (theo Tô Hoài trong “Cát Bụi Chân Ai” và “Chiều chiều”). Cuốn Tuyển tập in ấn sơ sài, so với những tuyển tập đồ sộ khác của Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận,... là cả một trời một vực. Dù ở trong đó, có những bài viết cho mục tiêu tuyên truyền như tán dương lãnh tụ (Thư gửi về cha) với những câu như :

*Cha già phương Bắc xa xôi
Lần tay tính lại tuổi người sáu ba
Có ai về tới cha già
Dừng chân tôi gửi kính Cha đôi lời...*

Hoặc những bài như bài về, là lắp ráp những từ ngữ vào cho đầy để phục vụ cho mục tiêu đã được ấn định (Chung một lời thề):

*Xã Vĩnh Bình cò bay đồ chới
Sông Chắc băng vang dội tiếng tàu.
Câu hò giọng hát chen nhau
Đoàn quân tập kết cà Mau lên đường...*

Nhưng trong tuyển tập ấy cũng có những bài thơ, mà Nguyễn Bính đã sáng tác từ những thời kỳ trước, từ những tập như Lỡ Bước Sang Ngang, Tâm Hồn Tôi, Hương Cổ Nhân, Một Ngàn Cửa Sổ, Người Con Gái ở Lầu Hoa, Mây Tần, Mười Hai Bến Nước,.. với ngôn ngữ gần như ca dao, ở thể loại thơ lục bát hay bảy chữ, đã tạo ra một vương quốc thơ riêng. Thi ca của ông gần cận cuộc sống, và tình yêu cũng bình dị và hình như phác họa được trong cảm giác của độc giả một đời sống của một thời đại đã xa nhưng vẫn hiện hữu trong cảm nhận. Cách nay 65 năm, Hoài Thanh trong Thi Nhân Việt nam đã viết về Nguyễn Bính :

“Ở mỗi chúng ta đều có một người nhà quê. Cái nghề làm ruộng và cuộc đời bình dị của người làm ruộng cha truyền con nối từ mấy nghìn năm đã ăn sâu vào tâm trí chúng ta. Nhưng- khôn hay dại- chúng ta ngày một cố lìa xa nề nếp cũ để hồng đi tới chỗ mà ta gọi là văn minh. Dầu sao, những tính tình tư tưởng ta hấp thụ ở học đường cảm dỗ ta, những cái phiền phức của cuộc đời mới lôi cuốn ta, nên ở mỗi chúng ta người nhà quê vốn khiêm tốn và hiền lành ít có dịp xuất đầu lộ diện. Đến nỗi có lúc ta tưởng chúng đã chết rồi. Ở Nguyễn Bính thì không thế. Người nhà quê của Nguyễn Bính vẫn ngang nhiên sống như thường. Tôi muốn nói Nguyễn Bính vẫn còn giữ được bản chất nhà quê nhiều lắm. Và thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng ta. Ta bỗng thấy vườn cau bụi chuối là hoàn cảnh tự nhiên của ta và những tính tình đơn giản của dân quê là những tính tình căn bản của ta. Giá Nguyễn Bính sinh ra thời trước tôi chắc người đã làm những câu ca dao mà dân quê vẫn hát quanh năm và những tác phẩm của người, bây giờ đã có vô số những nhà thông thái nghiên cứu. họ đã chẳng ngớt lời khen những câu như:

*"Nhà em có một giàn trầu
Nhà anh có một hàng cau liên phòng
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào?"*

Tới bây giờ, hình như nhận xét của Hoài Thanh vẫn còn chính xác. Có một lúc nào, con người ngoái nhìn về quá khứ, và trong cái lung linh của ánh sáng kỷ niệm, những con người xưa, những phong cảnh cũ, những tình cảm thưở nào tưởng đã phai pha, bây giờ sống lại và tự nhiên trong cái không gian thời gian mơ hồ ấy, có một chút men ủ của những cũ càng xưa, những tưởng vọng nuôi tiếc. Ở xứ người, lại xa thêm một đoạn đường. Miền Bắc với miền Nam, đã là vạn dặm, đã là mấy chục năm chia lìa. Hướng chi, từ trong nước đến hải ngoại, còn xa cách nhau biết bao nhiêu. Có một lúc nào, đọc một bài thơ, có những câu của mấy chục năm biên biệt xa, là tâm hồn lại tự nhiên bỗng dựng nổi sóng. Đó, khi đọc những bài thơ bình dị của Nguyễn Bính, có phải, đây, là những cuộc sống nào theo suy tưởng trở về...

Mấy hôm nay, là ngày cuối đông để sắp bước vào xuân mới. Những buổi sáng có chút sương mù và buổi chiều có sợi nắng hoe chập chờn trên cây cỏ, lòng người tha phương tự nhiên có một cảm giác trống trải. Một vài câu thơ của Nguyễn Bính hiện trong trí nhớ. Có một bài hành mà trong đời tôi đã cảm khái nhiều lần. Mà, ở mỗi lần, lại nhắc đến những không gian thời gian riêng biệt khác nhau. Nhưng tất cả, đều cùng chung nỗi niềm của những người đã nhận được từ trời đất những giao cảm khôn nguôi của cuộc tuần hoàn. Viết cho ai, hay viết cho mình? Phương nam viết bài hành để nhớ về phương bắc, có giống như ở hải ngoại cách một biển trời ngóng về nơi chốn xưa, về cảnh thổ cũ không? Cái nỗi tình, trong góc cạnh sâu thẳm của tiềm thức, bao giờ cũng có độ rung ngân rất âm thầm nhưng kéo dài trong nhiều

ngân nga không dứt...

*“Đôi ta lưu lạc phương nam này
Trải mấy mùa qua én nhận bay
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở
Mà ta với người buồn vậy thay
Lòng đấng xá gì muôn hợp rượu
Mà không uống cạn mà không say
Lời thề buổi ấy cầu Tư mã
Mà áo khinh cừu không ai may
Người giam chí lớn vòng cơm áo
Ta trí thân vào nợ nước mây
Ai biết thương nhau từ buổi trước
Bây giờ gặp nhau trong phút giây...”*

Có một bài thơ nhắc lại một thời buổi nào xa lắm. Những phong tục đẹp, những ảnh hình thuở nào, của phong bao giấy đỏ, của chợ tết, của hội hè mừng xuân, của một thời hoa niên. Ai nhớ lại mà không bồi hồi, “Tết của mẹ tôi”

*“... Mẹ tôi gọi cả các em tôi
đến bên mà dặn :” sáng ngày mai
các con phải dậy cho thật sớm
đầu năm năm mới phải lạnh trai
mặc quần mặc áo lên trên nhà
thắp hương thắp nến lễ ông bà
chớ có cãi nhau chớ có quấy đánh đồ, đánh vỡ như người ta
Sáng ngày mùng một sáng tinh sương
Mẹ tôi cấm chúng tôi ra đường
Mở hàng mỗi đứa năm xu rượu
rửa mặt hoa mùi nước đượm hương
Thầy tôi lấy một tờ hoa tiên
Bút lông dầm mực viết lên trên Trên những gì gì tôi chẳng biết
Giữa đề năm tháng dưới đề tên
Mẹ tôi thắt lại chiếc khăn sồi
Rón rén lên bàn thờ ông tôi
đôi mắt người trông thành kính quá
ngước xem hương cháy đến đâu rồi.
Mẹ tôi uống hết một cốc rượu
Mặt người đỏ tía vì hơi men
Người rủ cô tôi đánh tam cúc
Cười àm tốt đồ đề tốt đen
Tôi mặc một chiếc quần mới may
Ào lương, khăn lượt chân đi giày
Cho tôi đi lễ bên quê ngoại
Người dặn con đừng uống rượu say
Xong ba ngày tết mẹ tôi lại
Đầu tắt mặt tối nuôi cồng con
Rồi một đôi khi người dậm gạo
Chuyện trò kể lại tuổi chân son.”*

Thực ra, đây cũng chưa phải là một bài thơ tuyệt tác. Nhưng từ những từ ngữ đến hình ảnh,

đều mô tả và gọi đến một đời sống, mà có lẽ xa xăm lắm. Ai mà không có những cái tết mà Nguyễn Bính đã mô tả một cách chân thành như trên. Trong cái nhịp sống hiện nay ở xứ người, đời sống ấy có thấp thoáng ánh nền của tưởng niệm. Thời buổi bây giờ, thật xa những sinh hoạt, thật hết những cảm xúc như thế. Những thuần phong mỹ tục ấy, ngay cả trong nước cũng hiếm hoi, hướng chi ở hải ngoại. Nếu có nhắc đến, cũng chỉ là một khắc nhớ về và tưởng đến mà thôi...

Nguyễn Bính hình như có rất nhiều cái tết xa nhà. Trong ngôn ngữ của ông, hai chữ cố nhân thật là gọi đến nhiều hình tượng. Như, hình bóng của Huyền Trân, của một thời lịch sử :

*“Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Xuân đã sang đò nhớ cố nhân
Người ở bên kia sông cách trở
Có về Chiêm Quốc như Huyền Trân?
Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Phơi phới mưa sa nhớ cố nhân
Phận gái vì theo lễ ép uông
Đã về Chiêm Quốc như Huyền Trân?
Hôm nay là xuân, mai còn xuân
Lặng lất đường xa nhớ cố nhân
Nay đã vội quên tình nghĩa cũ
Mà về Chiêm Quốc như Huyền Trân ?...”*

Bài thơ, có những điệp khúc kéo dài theo. Trong cố tình, thi sĩ đã dùng những hình ảnh cũng như từ ngữ để mường tượng lại một thời mà cố nhân đã có nhiều ân tình thề ước. Gọi cố nhân, trong cái bồi hồi bất định của cảm giác xuân, có còn hay đi biệt lúc nào. Những câu hỏi, và những liên tưởng từ hình tượng lịch sử Huyền Trân, chỉ là tiếng kêu thống thiết của một người tràn đầy nhớ nhung một hình bóng cũ. Hai chữ cố nhân, như ngân vang trong hồn người thơ, và cũng làm cho người đọc, thấy gần gũi hơn một biển sầu mênh mang...

Thi sĩ trong lúc “Xuân tha hương”, chợt nghĩ về một người chị. Viết những câu thơ, để trang trải tấm lòng. Gửi về, những tâm ý, để nuôi tiếc lại một thời sum họp. Thơ Nguyễn Bính, trong cái chân tình gần cận cuộc nhân sinh, cái nhớ nhung, cái ước vọng, là của đời thường, của những tình cảm thật nhiên :

*“Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Oái, chị một em, em, một chị
Trời làm xa cách mấy con sông
Em đi trắng gió đời sương gió
Chị ở vương tròn phận lãnh cung
Chén rượu tha hương, trời : đắng lắm
Trăm hờn nghìn giận một mùa đông
Chiều nay ngồi ngắm hoàng hôn xuống
Nhớ chị làm sao nhớ lạ lòng
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Vườn ai thấp thoáng hoa đào nở
Chị vẫn môi son vẫn má hồng
Áo rét ai đan mà ngóng đợi
Còn vài hôm nữa hết mùa đông!
Cột nhà hàng xóm lên câu đối
Em đọc tương tư giữa giấy hồng*

*Gạo nếp nơi đây sao trắng quá
Mỗi ngày phiên chợ lại thêm đông
Thiên hạ đua nhau mà sắm tết
một mình em vẫn cứ tay không
vườn nhà Tết đến hoa còn nở ?
chị gửi cho em một cách hồng..."*

Thi ca Việt Nam có nhiều cái lạ. Những thi nhân nổi tiếng như Hoàng Cầm, Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân,... thường hay mang hình tượng người chị làm đối tượng tâm sự trong thi ca của mình Với Nguyễn Bính, bài thơ lục bát dài Lỡ Bước Sang Ngang đã một thời làm cho nhiều người thổn thức. Những câu thơ, âm hưởng ca dao, diễn tả những tình cảm bức xúc hết sức chân thật đã có uy lực truyền cảm mạnh: Em ơi ! em ở lại nhà. Vườn dâu em đốn mẹ già em thương. Mẹ già một nắng hai sương. Chị đi một bước trăm đường xót xa. Cậy em em ở lại nhà. Vườn dâu em đốn mẹ già em thương... Thú thực, khi tôi đọc đến những dòng thơ này, thấy ngỡ ngợ một vần điệu ca dao. Giống, rất giống đến y hệt nhưng cũng gợi nhiều xúc cảm....

Bài thơ bảy chữ "Xuân tha hương" kể trên chắc Nguyễn Bính gửi cho chị Trúc, một nhân vật mà theo một người thân ruột thịt với thi sĩ là Bùi Hạnh Cần trong tập ký sự "Nguyễn Bính và Tôi" xác nhận là có thực. Trong tâm ý, mang mang một nỗi buồn của một người xa nhà và luôn luôn những hình ảnh của quê hương luôn khơi động trong tâm thức.

Mùa xuân, là mùa của hội hè, của đôi lứa hò hẹn nhau. Thơ Nguyễn Bính, nhẹ như những hạt mưa phai mùa tết nhưng cũng phơi phới những nỗi niềm của tuổi thanh xuân. Những người con gái trong khung cửi, trong ngày đầu năm mãi xôn xao với buổi thay đổi của thời tiết đất trời :

*Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy
Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ
Mẹ bảo "Thôn Đoài hát tối nay"
Lòng thấy giăng tơ một mối tình
Em ngừng thoi lại giữa tay xinh
Hình như hai má em bừng đỏ
Có lẽ là em nghĩ đến anh
Bốn bên hàng xóm đã lên đèn
Em ngửa bàn tay trước mái hiên
Mưa chấm bàn tay từng chấm lạnh
Thế nào anh ấy chả sang xem..."*
Nhưng, buồn quá. Một câu chuyện tình lửng lơ:
*Chờ mãi anh sang anh chẳng sang
Thế mà hôm nọ hát bên làng
Năm tao bảy tuyết anh hò hẹn
Để cả mùa xuân cũng nhờ nhàng
Mình em làm lủi trên đường về
Có ngần gì đâu một dải đê
Áo mỏng che đầu mưa nặng hạt
Lạnh lòng thêm tủi với canh khuya
Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay
Hoa xoan đã nát dưới chân giày
Hội chèo làng Đặng về qua ngõ
Mẹ bảo "mùa xuân đã cạn ngày"*

*Anh ạ mùa xuân đã cạn ngày
Bao giờ em mới gặp anh đây
Bao giờ hội Đặng đi qua ngõ
Để mẹ em rằng hát tối nay?"*

Thơ xuân Nguyễn Bính còn rất nhiều. Có những bài được phổ nhạc và, thành bất tử.
Như bài Gái Xuân :

*Em như cô gái hãy còn xuân
Trong trắng thân chưa lấm bụi trần
Xuân đến, xuân đi hoa mạn nở
Gái xuân giữ lụa trên sông Vân
Lòng xuân lơ đãng má xuân hồng
Cô gái xuân mơ chuyện vợ chồng
Đôi tám xuân đi trên mái tóc
Đêm xuân cô ngủ có buồn không?"*

Hay bài Cô Lái Đò cũng thành một nhạc phẩm vượt qua được sự đào thải của thời gian để còn tồn tại mãi trong lòng người nghe nhạc và yêu thơ:

*Xuân đã mang mong nhớ trở về
Lòng cô gái ở bến sông kia
Cô hỏi tưởng lại ba xuân trước
Trên bến cùng ai đã nặng thề..."*

Và, còn rất nhiều thơ Nguyễn Bính làm cho mùa xuân. Nào thơ gửi cho cô Oanh của một trao gửi lỡ làng. Nào thơ cho người con gái ở lầu hoa, ở ngõ có cây mai trắng đầy hoa mỗi khi tết đến. Hay bài thơ Nuôi Bướm gửi Vương Ý Nhi, của một người muốn mượn cánh bướm để bày tỏ nỗi lòng...

Thế mà, lúc cuối đời, nhà thơ lại từ trần đúng ngày ba mươi tết.

Ông trời oái oăm, không muốn thi nhân hưởng thêm một mùa xuân nữa. Chu Văn, trong bài bạt của Tuyển tập Nguyễn Bính đã viết về những giây phút cuối của nhà thơ:

... Sáng 30 Tết, Nguyễn Bính ra vườn chơi. Một luồng gió lạnh. Anh rùng mình, thổ huyết rồi ngất xỉu. Gia đình chủ nhà hết sức chạy chữa. Nhưng không kịp nữa rồi. Tân thanh đáo để vị thù hương (tân thanh sau hết, ngậm ngùi vì ai).

Mồng sáu tháng giêng ta. Tôi lên hội Nhà Văn thông báo về việc anh Bính mất. Gặp Tô Hoài, cùng ngậm ngùi nói chuyện về người bạn mới mất. Sau đó tôi đến nhà Trần Lê Văn. Nghe tin Bính mất, Trần Lê Văn tròn xoe đôi mắt kính ngạc

- Bính chết thật ư ? Bao giờ?
- Ba mươi Tết, trước giao thừa.

Trần Lê Văn bỗng xịu mặt, dậm vào đùi đánh bịch:

- Biết mà! Biết mà. Chết trước mồng một - đã lường thấy từ bao giờ rồi

Tôi gặng: Sao anh nói vậy?

Trần Lê văn nói như gắt:

- Ô kìa, "Năm mới tháng giêng mồng một Tết.
Còn nguyên vẹn cả một mùa xuân."

Nó để lại mùa xuân nguyên vẹn cho người. Nó đi mà..."

Chị Trúc trong thơ Nguyễn Bính

Phan Lạc Phúc

(tức Ký giả Lô Răng)

Theo Bùi Hạnh Cẩn, tác giả NGUYỄN BÌNH VÀ TÔI, đồng thời cũng là anh em con cô con cậu ruột với tác giả LỖ BƯỚC SANG NGANG, thì bà thân của Nguyễn Bính mất rất sớm, khi Nguyễn Bính mới 3 tháng tuổi. Nguyễn Bính rời quê nội làng Trạm sang ở thôn Vân, quê ngoại (cùng thuộc huyện Vụ Bản - Nam Định) và lớn lên ở đó. Bùi Hạnh Cẩn và Nguyễn Bính như vậy vừa là anh em, vừa là bạn học, bạn thơ từ thu thiếu thời. Do vậy nên những tiết lộ của họ Bùi soi sáng nhiều điều trong thơ họ Nguyễn.

Có lẽ Nguyễn Bính là thi sĩ đầu tiên (đối với tôi) đã trang trọng đưa "người chị" vào thơ. Tập Lỡ Bước Sang Ngang của Nguyễn Bính xuất hiện năm 1938. Gần 60 năm sau tôi mới được nghe bài thơ Chị Tôi của Đoàn Thị Tảo cuối thập kỷ 90 vừa qua. Người tình, người mẹ, người em gái nhỏ ở trong thơ xưa nay không thiếu. Riêng một người chị, ngay từ những bài thơ đầu tiên và sau này suốt cuộc đời thơ, Nguyễn Bính đã giới thiệu "Chị Trúc" một cách thiết tha, đậm thắm. Trong 3 bài Lỡ Bước Sang Ngang đăng lần đầu tiên trên TIỂU THUYẾT THỨ NĂM năm 1938 đều có ghi "Tặng chị Trúc". Sau này nhiều bài thơ khác, khi đi lưu lạc giang hồ, đặc biệt những bài "Trăm câu một vẫn", "Xuân tha hương" và "Xuân vẫn tha hương", tác giả đều gửi tâm sự về quê nhà, kể lể nỗi niềm cùng chị Trúc:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi chị một em, em một chị
Giờ làm xa cách mấy con sông ...
Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này, ô thể mà vui chán
Những một mình em uống rượu hồng.
Rượu say nhớ chị hỏi con gái
Thương chị từ khi chị lấy chồng...*

Trong "Xuân vẫn tha hương", tác giả nằm đón giao thừa ở Huế, "suông cả ân tình rượu cũng suông", đốt ngọn đèn lên nhìn cái bóng cô đơn của mình in trên vách mà thở than cùng chị:

*Đêm ba mươi Tết quê người cũng
Tiếng pháo giao thừa dậy tứ phương
Chị ạ, em không người nước Sở
Nhớ nhà đâu mượn tích Trương Lương
Đất khách tình dâng nhòa mắt lệ
Ôi nhà, ôi chị.. ôi quê hương*

Trong nhiều bài thơ khác, hình ảnh chị Trúc cứ thấp thoáng xa gần. Chị Trúc đối với Nguyễn Bính là chiếc khăn hồng chị cho để thấm những giọt lệ đời:

*Chị cho em chị chiếc khăn thêu
Ý chị thương em khóc đã nhiều
Khóc chị ngày xưa, giờ lại khóc
Cho mình khi tắt một tình yêu..*

Chị Trúc là một quê hương để nhớ về - là một đối tượng hết sức thân thương triu mến để tác giả sẽ chia mọi nỗi cô đơn cũng như những phút giây hạnh phúc:

*Chiều chiều hai đứa sang thăm chị
Chồng hái hoa cho vợ giắt đầu...*

Đọc thơ Jacques Prévert người ta nhớ Barbara - đọc thơ Argon người ta quen với Alsa, đọc Kiều người ta mong gặp Kim Trọng - đọc Lục Vân Tiên người ta nghĩ đến Nguyệt Nga... Đọc thơ Nguyễn Bính ai cũng muốn biết chị Trúc là ai mà người thơ gửi gắm nhiều tâm sự? Nguyễn Bính đã mất trên 30 năm rồi. Người thơ đã nằm im dưới mộ - Nguyễn Bính có một cái hơn người là càng ngày người ta càng đọc, càng ngâm thơ ông. Do vậy nên cái mong mỏi tìm hiểu về chị Trúc càng ngày càng thêm nôn nả.

Như để trả lời vấn nạn của chúng ta, người anh em của Nguyễn Bính, cũng là người bạn học, bạn thơ thừa thiếu thời, Bùi Hạnh Cận đã dành một chương trong cuốn "Nguyễn Bính và Tôi" để nói đến chuyện này: "Những bài thơ về chị Trúc".

Bùi Hạnh Cận kể rằng Nguyễn Bính sau khi mất mẹ từ rất nhỏ, ông thân của nhà thơ là Nguyễn Đạo Bình tục huyền - cùng cha cùng mẹ với Nguyễn Bính (tên tục là Nguyễn Trọng Bính) chỉ có 2 người anh trai: Nguyễn Mạnh Phác và Nguyễn Ngọc Thu - Nhà thơ không có người chị ruột nào. Vậy chị Trúc là ai?

Người phụ nữ ấy (chị Trúc của nhà thơ) thật ra không có liên hệ họ hàng ruột thịt gì với nhà thơ hết. Theo Bùi Hạnh Cận, đó là một phụ nữ họ Lê tên là N.TH. (họ Bùi không hài rõ tên, chỉ ghi như vậy) người đẹp, da trắng, môi hồng, mũi dọc dừa, đôi mắt trong như nước hồ thu. Đặc biệt người phụ nữ này đã có chồng ở thị xã Hà Đông. Ở nơi này có anh ruột của Nguyễn Bính là Nguyễn Mạnh Phác vừa dạy học vừa làm văn nghệ viết kịch, viết báo, làm thơ. Ở tỉnh nhỏ, như thế đã là có giá. Sau này khi Nguyễn Bính nổi danh với Lữ Bức Sang ngang thì ông anh Mạnh Phác lại càng được mọi người nể trọng, và đương nhiên chị Trúc người được nhà thơ đề tặng cũng nổi tiếng theo. Thật ra lúc ấy "chị Trúc" chỉ là người em văn nghệ của Nguyễn Mạnh Phác. Một buổi nhà thơ Lê Văn Trương về Hà Đông thăm thú bạn bè - Mạnh Phác, được mời viết cho báo Ích Hữu do Lê Văn Trương phụ trách. Cần phải có một bút hiệu mới cho Mạnh Phác. Ngày xưa, theo lời ông cậu ruột của anh em họ Nguyễn, tức là thân sinh của Bùi Hạnh Cận, thì bà thân của họ Nguyễn "để rọi" Mạnh Phác ngoài lộ. Do vậy nên ngoài tên khai sinh Mạnh Phác còn có tên riêng ở nhà là "cu Đường". Bây giờ cần có một bút hiệu, mọi người mới ghép tên "người em văn nghệ" Trúc với tên riêng Đường thành bút hiệu Trúc Đường. Trúc Đường sau đó trở thành nhà viết kịch có tiếng ở miền Bắc.

Đạo đầu thập kỷ 40, trong không khí ngọt ngào của đệ nhị thế chiến sắp tràn tới Đông Dương, các văn nghệ sĩ có phong trào "đi", hay là "giang hồ vất", theo khẩu hiệu do Nguyễn Tuân đề xướng "Ta muốn sau khi ta chết, có người thuộc da ta làm chiếc valise". (NT cũng mượn câu nói này của một nhà văn Pháp, tôi không nhớ được tên). Nhưng đi để mà không biết đi đâu?"

*Ta đi nhưng biết về đâu nhỉ?
Đã dấy phong trào khắp bốn trời.*

Mấy ông nhà văn, nhà thơ trẻ Nguyễn Bính, Tô Hoài, Trọng Can từ Bắc vào miền Trung, vô Nam rồi lại trở ra... Hãy nghe Tô Hoài kể lại trong hồi ký: "Chúng tôi ghé xuống Thanh Hóa trước tiên.. chúng tôi lại xuống Huế. Vào Huế, lại sống vật vờ như ở Thanh Hóa. Thịnh thoảng Nguyễn Bính gửi thơ về đăng báo, nhờ Trúc Đường gửi tiền nhuận bút vào trợ. Nhưng thơ làm sao nuôi nổi người, hưởng chi lại những 3 người. Cũng đến ngày phải đi... chỉ có một mình Nguyễn Bính ở lại Huế".

Đây là thời kỳ Mạnh Phác và chị Trúc gửi thư và tiền vào cho Nguyễn Bính ở Huế. Đó cũng là thời kỳ Nguyễn Bính viết Xuân Tha Hương và Xuân vẫn tha hương.

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Một chị một em, em một chị
Giờ làm chia cách mấy con sông...*

Chị Trúc, người Nguyễn Bính đề tặng thơ rất trang trọng, người Nguyễn Bính thiết tha sẽ chia tâm sự, thật sự ra chỉ là một "người em văn nghệ" của anh mình: Trúc Đường Nguyễn Mạnh Phác.

Đó chỉ là một hình bóng phụ nữ thoáng qua trong đời Nguyễn Bính. Nhưng nhà thơ trân trọng tôn thờ hình bóng đó, vì Nguyễn Bính mồ côi mẹ từ thuở nhỏ, đã thiếu tình mẫu tử, lại không có chị, có em nào gần gũi. Chị Trúc thật ra rất xa mà lại rất gần đối với Nguyễn Bính. Đó cũng là ảo giác của người gần chết khát trong sa mạc, tưởng rằng mình sắp đến được một ốc đảo đầy suối trong và bóng mát...

Những bài viết cũ: "Không đề" của Nguyễn Bính Nguyễn Hưng Quốc

Lời tác giả: Hai cuốn sách đầu tay của tôi, *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam* (1988) và *Nghĩ về thơ* (1989), hiện nay đã tuyệt bản. Mười mấy năm, quan niệm về văn học đã đổi, cách viết cũng đã khác, tôi không còn hứng thú lắm để in lại. Tuy vậy, vẫn có một số bạn đọc xa gần thỉnh thoảng hỏi thăm về chúng. Thôi thì, thay vì tái bản thành sách, tôi chọn một số đoạn để đăng lại trên Tiền Vệ, như một món quà tặng cho một số tri âm, nếu có, đâu đó.

*Hôm nay dưới bến xuôi đò
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau.
Anh đi đấy, anh về đâu?
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...*

Thơ Nguyễn Bính. Tựa "Không đề". Chỉ có bốn câu. Theo tôi, đây là một trong những bài thơ hay nhất, hoàn chỉnh nhất của Nguyễn Bính. Bài thơ có hai nhân vật, một người con trai và một người con gái. Người con trai ở dưới bến chờ xuôi đò. Người con gái ở trong nhà, qua khung cửa sổ, thẩn thờ ngó ra. Nguyễn Bính nói họ "thương nhau". Chắc chỉ là thương thầm. Nên không có tiền đưa. Nên người con gái mới băn khoăn tự hỏi "Anh đi đấy, anh về đâu?" Sáu chữ mà bời bời hai tâm sự ngổn ngang. "Anh đi đấy" là câu hỏi thảng thốt. Đau nhói. "Anh về đâu?" là câu hỏi ngậm ngùi. Buồn tênh. Người con gái ngạc nhiên, rồi bàng

hoàng, rồi ngẩn ngơ. Chiếc thuyền rời bến, từ từ đi xa. Hình ảnh người con trai hút. Chỉ còn chiếc thuyền. Rồi chiếc thuyền cũng khuất. Chỉ còn cánh buồm vươn cao, vươn cao, chới với, chập chờn, lung linh, xa xăm:

Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm...

Người con gái vẫn còn đứng đó, bên thành cửa sổ, vờn vờn nhìn theo. Câu thơ ngắt thành ba nhịp (*Cánh buồm nâu / cánh buồm nâu / cánh buồm...*), tưởng như mỗi nhịp ngắt là một làn sóng đột nhiên trào lên, che khuất cánh buồm. Bao nhiêu lần khuất rồi hiện. Lần cuối cùng, đã xa lơ xa lắc, người con gái chỉ còn nhìn thấy, mờ thật mờ, hình ảnh cánh buồm thấp thoáng, nhòa đi trong khói song bập bênh. Không còn thấy màu sắc nữa: chữ “nâu” ở nhịp cuối biến mất.

(Trích từ cuốn Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam, Quê Mẹ xuất bản tại Paris năm 1988)